

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025,
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG
ĐẦU NĂM 2025**

Năm 2025 là năm cuối nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII và đại hội Đảng các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, sự phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sẽ tạo đà cho tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Triển khai thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2025 trong điều kiện tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, tình hình thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế- xã hội chung của cả nước và riêng của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, công nghiệp, thị trường bất động sản, đã ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và việc điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

I. Tình hình thực hiện quản lý ngân sách

1. Thu ngân sách nhà nước (NSNN)

Dự toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2025 Trung ương giao là 11.156 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 11.902 tỷ đồng; thực hiện thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm là: 7.187 tỷ đồng, đạt 64,4% so với dự toán Trung ương giao; đạt 60,4% so với dự toán địa phương giao; bằng 124,3% so với thực hiện cùng kỳ năm trước¹.

Thu cân đối ngân sách 06 tháng đầu năm là 5.324,2 tỷ đồng, đạt 61,9% so với dự toán Trung ương giao; đạt 57% so với dự toán địa phương giao; bằng 121,9% so với thực hiện cùng kỳ năm trước².

¹Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): Dự toán toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2025 Trung ương giao là 4.651 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 4.965 tỷ đồng; thực hiện 6 tháng đầu năm là: 2.668,4 tỷ đồng, đạt 57,3% so với dự toán Trung ương giao; đạt 53,7% so với dự toán địa phương giao; bằng 118,2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Dự toán toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2025 Trung ương giao là 6.505 tỷ đồng; HĐND tỉnh giao là: 6.937 tỷ đồng; thực hiện 6 tháng đầu năm là: 4.519 tỷ đồng, đạt 69,5% so với dự toán Trung ương giao; đạt 65,1% so với dự toán địa phương giao; bằng 128,2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

²Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): Thu cân đối ngân sách đạt: 1.934,8 tỷ đồng, đạt 54,4% so với dự toán Trung ương giao; đạt 50,2% so với dự toán địa phương giao; bằng 117,7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. ✓

a) Về nguồn thu:

So với dự toán năm: Có 15/18 khoản thu đạt tiến độ trên 50% dự toán là thu từ DNNN TW (50,3%), thu từ DNNN địa phương (60,5%), thu từ ĐTNN (51,1%), thu từ CTN và dịch vụ NQD (50,5%), thu thuế TNCN (70,3%), thu tiền sử dụng đất (79%), thu tiền thuê đất (62,2%), thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (227%), thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (78,7%), thu lệ phí trước bạ (67,3%), thu phí lệ phí (59,7%), thu khác ngân sách (62,1%), thu hoa lợi công sản (63%), thu tiền cấp quyền KTKS (101,7%), thu tiền sử dụng khu vực biển (52%). Còn lại 3 khoản không đạt tiến độ dự toán năm là thu thuế BVMT (32,6%), thu thuế sử dụng đất PNN (47,9%), và thu XSKT (47,7%).

So cùng kỳ: Có 11/18 khoản tăng so với cùng kỳ, đó là thu từ DNNN ĐP (109,1%), thu từ DN có vốn ĐTNN (119,4%), thu từ CTN và dịch vụ NQD (100%), thuế TNCN (122,9%), thu tiền sử dụng đất (147%), thu tiền thuê đất (114,7%), thu thuế BVMT (115,8), lệ phí trước bạ (140,2%), thu phí lệ phí (107,9%), thu khác ngân sách (101%), thu tiền cấp quyền KTKS (110,6%). Còn lại 6 khoản thu giảm so với cùng kỳ là thu từ DNNN TW, thu thuế sử dụng đất PNN, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu hoa lợi công sản, thu XSKT, thu tiền sử dụng khu vực biển.

Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương giao chỉ tiêu thu 2.550 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 2.550 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm thu đạt 1.738,8 tỷ đồng, đạt 68,19% chỉ tiêu được giao đầu năm³.

b) Về đơn vị thu:

Dự toán giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 do HĐND tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố (trước sắp xếp) là 4.593 tỷ đồng; Thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt là 3.334 tỷ đồng, đạt 72,6% dự toán tỉnh giao. Trong 6 tháng đầu năm, có 16/18 địa phương thu ngân sách đạt trên 50% so với dự toán giao; chỉ có huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn (trước sắp xếp) còn gặp khó khăn về thu ngân sách, chưa đạt tiến độ thu⁴.

Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Thu cân đối ngân sách đạt: 3.389,4 tỷ đồng, đạt 67,0% so với dự toán Trung ương giao; đạt 61,8% so với dự toán địa phương giao; bằng 124,6% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

³Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương và HĐND tỉnh giao chỉ tiêu thu 1.100 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm thu đạt 705,5 tỷ đồng, đạt 64,1% chỉ tiêu được giao đầu năm;

Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương và HĐND tỉnh giao chỉ tiêu thu 1.450 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm thu đạt 1.033,3 tỷ đồng, đạt 71,27% chỉ tiêu được giao đầu năm;

⁴ Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): Dự toán giao thu NSNN trên địa bàn năm 2025 do HĐND tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) giao cho các huyện, thị xã, thành phố là 1.227,380 tỷ đồng; Thu NS trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt là 957,831 tỷ đồng, đạt 78,04% dự toán tỉnh giao: Thành phố Đông Hà: 56,66%; thị xã Quảng Trị: 98,08%; huyện Vĩnh Linh: 81,93%; huyện Hướng Hóa: 75,72%; huyện Gio Linh: 91,91%; huyện Đakrông: 78,87%; huyện Cam Lộ: 136,29%, huyện Triệu Phong: 110,25%, huyện Hải Lăng: 88,23% và huyện đảo Cồn Cỏ: 162,6%;

Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Dự toán giao thu NSNN trên địa bàn năm 2025 do HĐND tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố là 3.366 tỷ đồng; Thu NS trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt là 2.376,3 tỷ đồng, đạt

2. Chi ngân sách địa phương:

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, theo đúng dự toán được duyệt, sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định. Lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2025 được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; quản lý Nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

Năm 2025, HĐND tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi NSDP là 29.368 tỷ đồng. Trong đó: chi cân đối ngân sách là 24.109 tỷ đồng⁵. Trong 6 tháng đầu năm đã chi 17.458 tỷ đồng, đạt 59,4% dự toán, tăng 35,88% so với cùng kỳ⁶. Cụ thể một số lĩnh vực chi:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

6 tháng đầu năm thực hiện 6.628 tỷ đồng/5.023 tỷ đồng; đạt 131,9% so với kế hoạch vốn, tăng 7,6% so với cùng kỳ (6.159 tỷ đồng).

Tính đến ngày 30/6/2025, tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2025 của tỉnh Quảng Trị (mới) là 3.717,45 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 38,4% kế hoạch HĐND tỉnh giao⁷.

Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Đến ngày 30/6/2025, tổng số hồ sơ đã được phê duyệt quyết toán là 248 dự án, công trình, với giá trị quyết toán được duyệt 3.230 tỷ đồng; đang trong quá trình thẩm tra quyết toán 82 dự án, công trình, với giá trị tổng mức đầu tư được duyệt 1.873 tỷ đồng; dự án đã hoàn

70,6% dự toán tỉnh giao: Huyện Minh Hóa: 93%; Tuyên Hóa: 57,4%; Quảng Trạch: 40,3%; Thị xã Ba Đồn: 45,7%; huyện Bố Trạch: 71,5%; thành phố Đồng Hới: 85,8%; huyện Quảng Ninh: 50,9% và huyện Lệ Thủy: 54%.

⁵ Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): 13.168 tỷ đồng; Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): 16.200 tỷ đồng.

⁶ Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): HĐND tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi NSDP là 13.168 tỷ đồng. Trong đó: chi cân đối ngân sách là 9.730 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm đã chi 7.493 tỷ đồng, đạt 77% dự toán, tăng 46,7% so với cùng kỳ; Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): HĐND tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi NSDP là 16.200 tỷ đồng. Trong đó: chi cân đối ngân sách là 14.378 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm đã chi 9.905 tỷ đồng, đạt 68,89% dự toán, tăng 27,9% so với cùng kỳ.

⁷ Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): giải ngân 1.401,912 tỷ đồng, đạt 28,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 27% kế hoạch HĐND tỉnh giao. Trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 617,002 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch; vốn ngân sách trung ương: 605,241 tỷ đồng, đạt 23,8%; tăng thu ngân sách trung ương: 8,533 tỷ đồng, đạt 2%; Chương trình MTQG: 171,136 tỷ đồng, đạt 45,2%.

Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Giải ngân 2.315,538 tỷ đồng, đạt 51,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, HĐND tỉnh giao. Trong đó: vốn ngân sách địa phương: 1.705,501 tỷ đồng, đạt 60,4%; vốn ngân sách trung ương: 370,199 tỷ đồng, đạt 29%; Chương trình MTQG: 239,838 tỷ đồng, đạt 61,1%;

thành nhưng chưa nộp hồ sơ quyết toán 03 dự án với khối lượng hoàn thành 68,242 tỷ đồng⁸.

2.2. Chi thường xuyên

6 tháng đầu năm thực hiện 10.770 tỷ đồng/18.516 tỷ đồng; đạt 58,2% so với kế hoạch vốn, tăng 60,9% so với cùng kỳ (6.693 tỷ đồng).

Trong 6 tháng đầu năm, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương đã nghiêm túc tổ chức triển khai các giải pháp đề ra, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chi ngân sách nhà nước. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ. Nhờ đó, công tác điều hành chi NSNN được thực hiện chủ động, tích cực; kỷ luật tài chính được tăng cường, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Các nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản được đảm bảo theo đúng dự toán, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị sử dụng ngân sách.

2.3. Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay

Dự toán chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay năm 2025: 156.800 triệu đồng. Trả nợ lãi, phí theo các hợp đồng CVL đã ký kết đến 30/6/2025: 61.857 triệu đồng, đạt 39,45% dự toán đầu năm⁹.

2.4. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ

2.4.1. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ

a) Giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm:

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 95.517 triệu đồng¹⁰. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 34.663 triệu đồng, đạt 36,29% so với kế hoạch Thủ

⁸Quảng Trị (trước sắp xếp): Tổng số hồ sơ đã được phê duyệt quyết toán là 55 dự án, công trình, với giá trị quyết toán được duyệt 1436 tỷ đồng; đang trong quá trình thẩm tra quyết toán 50 dự án, công trình, với giá trị tổng mức đầu tư được duyệt 1.030 tỷ đồng.

Quảng Bình (trước sắp xếp): Tổng số hồ sơ đã được phê duyệt quyết toán là 193 dự án, công trình, với giá trị quyết toán được duyệt 1.794 tỷ đồng; đang trong quá trình thẩm tra quyết toán 32 dự án, công trình, với giá trị tổng mức đầu tư được duyệt 567 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành nhưng chưa nộp hồ sơ quyết toán 03 dự án với khối lượng hoàn thành 68,242 tỷ đồng.

⁹Quảng Trị (trước sắp xếp): Dự toán chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay năm 2025: 15.700 triệu đồng. Trả nợ lãi, phí theo các hợp đồng CVL đã ký kết đến 30/6/2025: 1.799 triệu đồng, đạt 11% dự toán đầu năm; Quảng Bình (trước sắp xếp): Dự toán chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay năm 2025: 141.100 triệu đồng. Trả nợ lãi, phí theo các hợp đồng CVL đã ký kết đến 30/6/2025: 60.058 triệu đồng, đạt 42,5% dự toán đầu năm.

¹⁰Trong đó: Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn giải ngân theo quy định (nếu có): 14.406 triệu đồng; vốn kế hoạch năm: 81.111 triệu đồng (cụ thể: số vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 81.111 triệu đồng; số vốn kế hoạch đơn vị triển khai là 72.111 triệu đồng (9.000 triệu đồng chưa triển khai do các xã Gio Hải, Hải An, Hải Khê đã đạt chuẩn nông thôn mới).

tướng Chính phủ giao¹¹. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 51.838 triệu đồng đạt 63,91% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹².

- Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 282.490 triệu đồng¹³. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 202.802 triệu đồng, đạt 71,79% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹⁴. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 211.700 triệu đồng đạt 74,94% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹⁵.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi : Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 606.378 triệu đồng¹⁶. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 246.826 triệu đồng, đạt 41% so với tổng số vốn năm¹⁷. Ước lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 300.000 triệu đồng đạt 49,47% so với tổng số vốn năm¹⁸.

b) Giải ngân chi thường xuyên dự toán năm:

- Tổng số dự toán được giao trong năm kế hoạch: 1.325.772 triệu đồng, trong đó:

+ Dự toán năm trước được phép chuyển sang năm sau theo quy định (nếu có): 678.997 triệu đồng (trong đó: NSTW: 644.506 triệu đồng; NSDP: 34.491 triệu đồng).

+ Dự toán giao trong năm kế hoạch: 646.775 triệu đồng (trong đó: NSTW: 586.484 triệu đồng; NSDP: 60.291 triệu đồng).

- Lũy kế giải ngân dự toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 291.357 triệu đồng, đạt 22% so với tổng dự toán sử dụng trong năm (bao gồm: dự toán năm trước chuyển sang và dự toán Thủ tướng Chính phủ giao trong năm).

¹¹Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 8.471 triệu đồng, đạt 58,8% kế hoạch giao; Giải ngân vốn kế hoạch năm là: 26.192 triệu đồng, đạt 32,29% kế hoạch giao.

¹²Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 9.974 triệu đồng, đạt 69,23% kế hoạch giao; giải ngân vốn kế hoạch năm là: đạt 41.864 triệu đồng 51,61% kế hoạch giao.

¹³Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn giải ngân theo quy định (nếu có): 33.405 triệu đồng; vốn kế hoạch năm: 249.085 triệu đồng (cụ thể: số vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 249.085 triệu đồng; số vốn kế hoạch đơn vị triển khai là 249.085 triệu đồng).

¹⁴Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 15.134 triệu đồng, đạt 45,3% kế hoạch giao ;giải ngân vốn kế hoạch năm là: 187.668 triệu đồng, đạt 75,34% kế hoạch giao.

¹⁵Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 15.709 triệu đồng, đạt 47,02% kế hoạch giao;giải ngân vốn kế hoạch năm là: đạt 195.991 triệu đồng 78,68% kế hoạch giao.

¹⁶Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn giải ngân theo quy định: 163.434 triệu đồng; vốn kế hoạch năm: 442.953 triệu đồng (ngân sách trung ương 417.953 triệu đồng, ngân sách địa phương 25.000 triệu đồng); số vốn kế hoạch đơn vị triển khai là 442.953 triệu đồng (ngân sách trung ương 417.953 triệu đồng, ngân sách địa phương 25.000 triệu đồng).

¹⁷Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 87.060 triệu đồng, đạt 53,27% kế hoạch giao; giải ngân vốn kế hoạch năm là: 159.766 triệu đồng, đạt 36,07% kế hoạch giao.

¹⁸Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 117.000 triệu đồng, đạt 71,59% kế hoạch giao; giải ngân vốn kế hoạch năm là: đạt 183.000 triệu đồng 41,31% kế hoạch giao.

2.4.2. Chi thực hiện các chương trình nhà ở của Chính phủ

a) Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình phát động xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về xóa nhà tạm, nhà dột nát trên cả nước, tỉnh đặt mục tiêu đến cuối tháng 8/2025 hoàn thành xây dựng mới, sửa chữa 6.880 căn, trong đó xây mới 5.002 căn, sửa chữa: 1.878 căn. Đến nay có 6.785 căn hoàn thành, trong đó xây mới 4.934 căn, sửa chữa: 1.851 căn. Tổng kinh phí đã phân bổ chỉ cho xóa nhà tạm, nhà dột nát là 595,6 tỷ đồng¹⁹.

Quá trình thực hiện, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh thống nhất cao trong nhận thức và hành động, xác định việc thực hiện chương trình là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân với tinh thần tương thân tương ái, chung tay vì cộng đồng. Huy động hiệu quả nguồn lực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và toàn xã hội, phấn đấu đến 31/8/2025 thực hiện hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần quan trọng vào công tác giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và quyết tâm hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Ngoài định mức hỗ trợ xây mới 60 triệu đồng/căn, sửa chữa 30 triệu đồng/căn, tỉnh còn cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để có chính sách nâng mức hỗ trợ xây mới và sửa chữa²⁰. Các địa phương đã chủ động, tranh thủ nguồn lực, vận động xã hội hóa để hỗ trợ thêm kinh phí xây nhà.

b) Hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước hỗ trợ nhà ở cho người có công, gia đình liệt sĩ hoàn thành trước ngày 27/7/2025 nhằm thiết thực Kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; trên địa bàn tỉnh có tổng số hộ có nhu cầu làm nhà ở là: 4.907 căn, trong đó xây mới 839 căn xây mới, sửa chữa: 4.068 căn. Đến ngày 27/7/2025 có 4.907/4907 căn đã khởi công. Đến nay số căn hoàn thành là 4.621/4907 căn, trong đó xây

¹⁹Quảng Trị (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 5.289 hộ (xây mới 4.118 hộ, sửa chữa: 1.171 hộ). Tổng số nhà hoàn thành là 5.289 hộ (xây mới 4.118 hộ, sửa chữa: 1.171 hộ). Ngân sách đã phân bổ 496,30 tỷ thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm nhà dột nát.

Quảng Bình (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 1.591 hộ (xây mới 884 hộ, sửa chữa: 707 hộ). Tổng số nhà hoàn thành là 1.496 hộ (xây mới 816 hộ, sửa chữa: 680 hộ). Ngân sách đã phân bổ 99,3 tỷ để thực hiện..

²⁰Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 và KH số 01-KH/BCĐ ngày 26/02/2025 của BCĐ xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh; Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): đã ban hành Nghị quyết số 98/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025;

mới 701 căn, sửa chữa: 3.920 căn. Tổng kinh phí đã phân bổ hỗ trợ nhà ở cho người có công, gia đình liệt sĩ là 173,12 tỷ đồng²¹.

Ngoài định mức hỗ trợ xây mới 60 triệu đồng/căn, sửa chữa 30 triệu đồng/căn, tỉnh còn cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để có chính sách nâng mức hỗ trợ xây mới và sửa chữa²². Các địa phương đã chủ động, tranh thủ nguồn lực, vận động xã hội hóa để hỗ trợ thêm kinh phí xây nhà.

c) Hỗ trợ nhà ở xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ giúp cải thiện điều kiện sống mà còn góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 4.650 hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhu cầu xây mới và sửa chữa, trong đó có 4.282 căn xây mới và 368 căn sửa chữa. Đã khởi công 2.764/4.650 căn, trong đó: xây mới 2.645 căn, cải tạo, sửa chữa 119 căn. Tổng số nhà đã hoàn thành đưa vào sử dụng là 1.967 căn, trong đó: xây mới 1.918 căn; cải tạo, sửa chữa 49 căn. Kinh phí lồng ghép từ Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các chính sách khác hỗ trợ của Nhà nước, ngân sách tỉnh với nguồn lực xã hội hóa để tăng cường hiệu quả của chương trình²³.

Ngoài định mức hỗ trợ xây mới 60 triệu đồng/căn, sửa chữa 30 triệu đồng/căn, tỉnh còn cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để có chính sách nâng mức hỗ trợ xây mới và sửa chữa²⁴. Các địa phương đã chủ động, tranh thủ nguồn lực, vận động xã hội hóa để hỗ trợ thêm kinh phí xây nhà.

²¹Quảng Bình (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 2.524 hộ (xây mới 528 hộ, sửa chữa: 1.996 hộ). Có 2.524 hộ đã khởi công, 2.347 hộ hoàn thành (xây mới 425 hộ, sửa chữa: 1.922 hộ). Ngân sách đã phân bổ 118,7 tỷ để thực hiện.

Quảng Trị (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 2.383 hộ (xây mới 311 hộ, sửa chữa: 2.072 hộ). Có 2.383 hộ đã khởi công, 2.274 hộ đã hoàn thành (xây mới 276 hộ, sửa chữa: 1.998 hộ). Ngân sách đã phân bổ 54,42 tỷ đồng thực hiện.

²²Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 và KH số 01-KH/BCĐ ngày 26/02/2025 của BCĐ xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh; Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 89/2025/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

²³Quảng Trị (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 1.256 hộ xây mới. Tổng số nhà hoàn thành là 1.256 hộ xây mới; Quảng Bình (trước sắp xếp): Nhu cầu hỗ trợ: 3.394 hộ (xây mới 3.026 hộ, sửa chữa: 368 hộ). Tổng số nhà hoàn thành là 711 hộ (xây mới 662 hộ, sửa chữa: 49 hộ).

²⁴Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 và KH số 01-KH/BCĐ ngày 26/02/2025 của BCĐ xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh; Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 99/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025.

2.5. Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025 được bố trí là: 533,9 tỷ đồng. Trong đó ngân sách cấp tỉnh là 265,3 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện xã 268,5 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm dự phòng ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng 74,5 tỷ đồng, đạt 28,1% dự toán²⁵. Việc sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh chủ yếu để chi các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách

3. Về cân đối ngân sách địa phương

Cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm được đảm bảo, các khoản vay nợ đến hạn được trả kịp thời. Điều hành chi ngân sách 6 tháng đầu năm cơ bản theo dự toán, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh, hạn hán và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

(Số liệu thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng có Phụ lục kèm theo).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Về thu NSNN

a) Thuận lợi

- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Chính phủ đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, trong đó tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế từ 8% trở lên và ứng phó với chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ; quyết liệt triển khai “bộ tứ trụ cột” theo các Nghị quyết rất quan trọng của Bộ Chính trị...

- Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 trên các địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả khả quan, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, các hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi nổi, thị trường và nhu cầu người dân tăng cao, cùng với hoạt động du lịch phục hồi nhanh kéo theo doanh thu dịch vụ và ăn uống tăng; công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng.

- Cơ chế, chính sách về thuế và đầu tư được Nhà nước ban hành mới và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện kịp thời phù hợp với tiến trình cải cách hành chính, hiện đại hoá ngành thuế và hội nhập quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp

²⁵Quảng Trị (trước sắp xếp): Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025, dự toán giao 180,21 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp tỉnh 71,37 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện xã 108,84 tỷ đồng. Trong 6 tháng, NS cấp tỉnh đã chi 35,5 tỷ đồng;

Quảng Bình (trước sắp xếp): Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025, dự toán giao 353,7 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp tỉnh 194 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện xã 159,7 tỷ đồng. Trong 6 tháng, NS cấp tỉnh đã chi 39 tỷ đồng. ✓

thuế phát triển SXKD, lưu thông hàng hoá, dịch vụ; nhờ đó nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ của NNT đối với nhà nước, nuôi dưỡng và tạo ra nguồn thu cho ngân sách.

- Các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế ngày càng được hoàn thiện; cải cách hành chính thuế, số hóa hồ sơ, rà soát dữ liệu, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số được Thuế tỉnh triển khai đồng bộ từ khai, nộp thuế đến thanh tra, kiểm tra, miễn giảm, hoàn thuế đặc biệt là triển khai ứng dụng Hóa đơn điện tử; hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; bản đồ số HKD, thuê đất, khai thác khoáng sản và triển khai kịp thời các gói chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã góp phần giải tỏa khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

- Công tác thu ngân sách luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (trước sắp xếp).

b) Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tình hình quản lý thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 vẫn còn một số hạn chế, khó khăn như sau:

- Việc triển khai các gói hỗ trợ người dân gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, phát triển sản xuất kinh doanh đã làm giảm số thu ngân sách một số lĩnh vực, sắc thuế: 1.220.737 triệu đồng (*Nghị định số 82/2025/NĐ-CP ngày 02/4/2025: 285.919 triệu đồng²⁶ ; Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15: 31.429 triệu đồng²⁷; Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024: 231.226 triệu đồng²⁸; Nghị định số 87/2025/NĐ-CP: Lũy kế số lượng hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất là 334 NNT với số tiền thuê đất đề nghị giảm 50.520 triệu đồng²⁹; Nghị định số 180/2024/NĐ-CP Lũy kế đến tháng 06/2025, tổng số tiền thuế GTGT đầu ra ước được giảm 621.643 triệu đồng³⁰*).

²⁶ Nghị định số 82/2025/NĐ-CP ngày 02/4/2025 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025: 285.919 triệu đồng. Trong đó Thuế GTGT: Lũy kế số lượng NNT gia hạn ước đến ngày 30/6/2025: 477 NNT với số tiền thuế GTGT được gia hạn lũy kế 212.358 triệu đồng; Thuế GTGT và TNCN của hộ, cá nhân kinh doanh: Lũy kế số lượng NNT gia hạn đến ngày 30/6/2025: 101 NNT với số tiền thuế được gia hạn 1.674 triệu đồng; Tiền thuê đất: Lũy kế số lượng NNT gửi giấy đề nghị gia hạn tiền thuê đất đến ngày 30/6/2025: 134 NNT với số tiền thuê đất được gia hạn 71.887 triệu đồng.

²⁷ Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn ngày 18/12/2023 giảm so với Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường, cụ thể: 31.429 triệu đồng. Trong đó: số tiền thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay giảm: 923 triệu đồng; số tiền thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn giảm: 30.506 triệu đồng.

²⁸ Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn giảm so với Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường, cụ thể: 231.226 triệu đồng. Trong đó: số tiền thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay giảm lũy kế đến ngày 30/6/2025: 6.238 triệu đồng; số tiền thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn lũy kế đến ngày 30/6/2025: 224.988 triệu đồng.

²⁹ Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11/4/2025 của Chính phủ quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024

³⁰ Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội.

- Trong công tác thanh tra kiểm tra và chống thất thu, mặc dù đã đề ra nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại, kết quả đang đạt tỷ lệ thấp, một phần cũng xuất phát từ lý do khách quan do quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy ngành thuế.

- Hệ thống pháp luật thuế không ngừng sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ. Nhiều đơn vị chưa kịp thời cập nhật quy định mới dẫn đến khó khăn trong tổ chức và thực hiện nghĩa vụ.

- Trong quá trình triển khai mô hình tổ chức mới từ ngày 1/3/2025 đến nay, nhiều quy định pháp luật liên quan như Luật Quản lý thuế, Luật Thanh tra, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương... đã có sự điều chỉnh, bổ sung. Bên cạnh đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo chỉ đạo của Trung ương cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ngành Thuế trong giai đoạn mới cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản lý thu, đặc biệt là trong giai đoạn đầu.

- Một số chức năng, nhiệm vụ quản lý thuế chưa được phân định rõ ràng dẫn đến tình trạng trong quá trình hoạt động, một số bộ phận còn lúng túng trong xử lý, giải quyết hồ sơ cho người nộp thuế.

2. Về chi ngân sách

a) Thuận lợi

Sau khi được HĐND tỉnh quyết nghị thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, UBND tỉnh đã phân bổ kịp thời cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã để tổ chức triển khai thực hiện và công khai ngân sách theo đúng quy định. Trong điều hành chi ngân sách, các ngành, các cấp luôn bám sát dự toán được cấp thẩm quyền giao và thực hiện tốt các nhóm giải pháp quản lý, điều hành theo Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của UBND tỉnh; trong đó, chú trọng giải pháp quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm. Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn chi tiết từng danh mục dự án, công trình cho các chủ đầu tư để chủ động triển khai thực hiện ngay trong tháng 12/2024. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các văn bản chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh³¹.

³¹Tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp): Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 20/01/2025 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 46/TB-VP ngày 14/3/2025, số 73/TB-VP ngày 16/4/2025; Văn bản số 358/UBND-TH ngày 05/02/2025, số 683/UBND-TH ngày 28/02/2025, số 1341/UBND-TH ngày 04/4/2025, số 1372/UBND-TH ngày 05/4/2025, số 1925/UBND-TH ngày 06/5/2025.

b) Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

- Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao thực hiện khá lớn so với các năm từ đầu kỳ trung hạn đến nay và trong những tháng đầu năm nhiều công trình chưa kịp nghiệm thu khối lượng để thanh toán nên chưa kịp giải ngân.

- Kế hoạch đầu tư công được Trung ương giao tập trung vào năm cuối kỳ trung hạn nên năm 2025 có nhiều dự án khởi công mới yêu cầu phải hoàn thiện nhiều thủ tục liên quan mới có thể thi công và giải ngân được. Một số dự án được bố trí vốn khá lớn, dự án đặc thù (văn hóa, bảo tồn, tôn tạo di tích) nên thời gian thẩm định, phê duyệt kéo dài, đến nay vẫn chưa thể triển khai thi công.

- Một số dự án ODA đã được địa phương phân bổ kế hoạch 2025 nhưng chậm được triển khai thực hiện và giải ngân do phải chờ Trung ương hoàn thiện các thủ tục đầu tư.

- Các dự án được bố trí từ các Chương trình MTQG chủ yếu là các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng có quy mô nhỏ nên chỉ tổ chức nghiệm thu khi công trình hoàn thành và thực hiện thủ tục giải ngân kế hoạch. Bên cạnh đó, việc triển khai các Chương trình còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc hay chưa có cơ sở triển khai thực hiện do các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các Chương trình của các bộ, ngành trung ương chưa kịp thời, cụ thể, còn chồng chéo. Đối với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững: chưa có quy định cụ thể việc thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các xã sau khi đạt chuẩn nông thôn mới. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dự án 1 và Dự án 3 khó thực hiện do các nội dung quy định còn chồng chéo, Dự án 2 việc thực hiện hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư mất nhiều thời gian hoàn thiện thủ tục, Dự án 5 chưa có cơ sở triển khai thực hiện hỗ trợ cho sinh viên đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ sở sở vật chất, trang thiết bị lên quan đến công tác giáo dục nghề nghiệp.

- Luật Đất đai năm 2024 mới có hiệu lực thi hành, các quy định, hướng dẫn về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn cũng được ban hành mới với nhiều nội dung thay đổi ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện GPMB của các dự án. Công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB phục vụ thi công dự án còn chậm do khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, giá đất, tính pháp lý hồ sơ thửa đất; công tác dân vận, truyền thông để người dân đồng thuận với phương án bồi thường, tái định cư;...ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án, trong đó có nhiều dự án có kế hoạch vốn khá lớn.

- Một số dự án tạm dừng thực hiện do thực hiện đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Công tác chuẩn bị đầu tư chưa thực sự tốt, thiếu chủ động; vẫn còn tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục” hoặc phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, dự toán, chậm triển khai thi công. Năng lực một số nhà thầu còn hạn chế, thi công cầm chừng; Các chủ đầu tư chưa chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp căn cơ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cụ thể từng dự án được giao quản lý.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM

I. Về thu ngân sách nhà nước

Để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu NSNN năm 2025 vượt 10% dự toán được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao, các ngành, các cấp cần tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp tăng cường nguồn thu, gắn với linh hoạt trong quản lý, điều hành chi ngân sách, cụ thể như sau:

1. Thực hiện quyết liệt Chương trình hành động, Kế hoạch của tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025; về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025.³²

2. Thực hiện nghiêm pháp luật về thu, quản lý thu NSNN, tập trung thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu NSNN, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cơ quan thuế theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tập trung vào các khu vực kinh tế để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời và theo dõi sát các nguồn thu lớn như khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất; rà soát các khoản thu ngân sách bị sụt giảm do các chính sách, tác động của nền kinh tế để lập kế hoạch khai thác nguồn thu khác bù đắp nhằm huy động kịp thời các khoản thu vào NSNN theo quy định.

3. Các ngành, các cấp ở địa phương cùng phối hợp với cơ quan thuế để tăng cường quản lý thu, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách; triển

³²Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025; Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 08/5/2025 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2025; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Công điện số 104/CD-TTg ngày 6/7/2025 về tăng cường hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và tổ chức sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2025

khai thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý thu theo mô hình tổ chức bộ máy mới. Ngay sau khi HĐND tỉnh quyết định lại dự toán thu NSNN năm 2025 cho tỉnh, từng xã, phường, đặc khu, Thuế tỉnh căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trong 6 tháng đầu năm, phương án dự toán thu NSNN của tỉnh, xã, phường, đặc khu sau sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp để đăng ký chỉ tiêu phân đấu thu NSNN năm 2025 với Cục Thuế nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Các sở, ngành, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị đã được phê duyệt chủ trương đầu tư để tăng thu ngân sách, phân đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2025. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc xử lý thu hồi nợ đọng thuế; tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ đối với doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế, hóa đơn. Đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; mở rộng cơ sở thu và chống chuyển giá, trốn thuế; quản lý hiệu quả đối với các nguồn thu phát sinh từ giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

II. Chi ngân sách địa phương

Để phân đấu thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ chi năm 2025, đặc biệt đảm bảo tỷ lệ giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đạt 100% theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 05/4/2025 và Công điện số 60/CĐ-TTg ngày 09/5/2025, trong điều hành chi ngân sách những tháng cuối năm cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng sau đây:

1. Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành đã được đề ra trong Chương trình hành động, Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025; về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025.

2. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở Tài chính, các Phòng Giao dịch trực thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XII và các chủ đầu tư theo chức năng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường việc nhận và gửi hồ sơ thanh toán theo hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước nhằm tăng tính chủ động, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại. Sở Tài chính thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư của các chủ đầu tư; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện. ✓

3. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, đúng chế độ quy định; bảo đảm sử dụng NSNN, tiền và tài sản nhà nước tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Giao Sở Tài chính tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn các dự án, công trình giải ngân chậm hoặc không có khả năng giải ngân sang bố trí cho các dự án, công trình có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và điều chỉnh dự toán chi thường xuyên chưa triển khai thực hiện để bố trí cho các nhiệm vụ chi cần thiết, bức xúc khác.

4. Thực hiện điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Ngân sách nhà nước tiếp tục đảm bảo các khoản chi cho cải cách bộ máy hành chính, chi trả chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức khi sắp xếp tổ chức, các nhiệm vụ quan trọng như quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo đảm an sinh xã hội.

5. Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, đặc biệt là phần tăng thêm so với năm 2024 để tạo nguồn cho cải cách tiền lương; tiết kiệm ít nhất 10% chi thường xuyên tăng thêm trong dự toán năm 2025 và tiếp tục tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên trong những tháng cuối năm.

6. Tăng cường công tác kiểm soát chi, bảo đảm chi đúng, chi đủ, có hiệu quả; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách đã được giao trong dự toán đầu năm nhưng chưa thực hiện phân bổ theo quy định, ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện sửa chữa cải tạo, trụ sở làm việc, nhà công vụ, mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc trên địa bàn tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

7. UBND cấp xã tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện dự toán thu, chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; chủ động sử dụng nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội, không để phát sinh tình trạng chậm, nợ chế độ, chính sách trên địa bàn. Trường hợp dự kiến thu NSDP giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, trong khi vẫn phải chi các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, nhất là đảm bảo tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư, UBND cấp xã phải chủ động xây dựng phương án điều hành đảm bảo cân đối NSDP.

III. Về công tác quản lý giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải ngân đầu tư công. Tiếp tục chủ động, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải

ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ³³, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh³⁴. Duy trì hoạt động thường xuyên, phát huy hiệu quả của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác đơn đốc tiến độ, hỗ trợ thúc đẩy giải ngân. Yêu cầu các chủ đầu tư tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh về các giải pháp đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựngvà các văn bản hướng dẫn, xử lý nợ đọng XD CB.

2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài và thực hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đầu tư công; thay thế kịp thời những cá nhân yếu kém về năng lực, sợ sai, sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh khi thực thi công vụ. Xây dựng các giải pháp thiết thực, khả thi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, 03 chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ nhà ở của Chính phủ.

3. Xác định rõ vướng mắc, nguyên nhân giải ngân chậm của từng dự án cụ thể để tháo gỡ kịp thời; tập trung quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn về cung ứng vật liệu thi công, đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, quan trọng quốc gia; kịp thời điều chuyển vốn từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án giải ngân tốt theo quy định; đẩy nhanh giải ngân phải gắn liền với bảo đảm chất lượng công trình, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; xử lý kịp thời cán bộ yếu kém về năng lực, sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh, không hoàn thành nhiệm vụ giải ngân. Khẩn trương xử lý tháo gỡ các dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài theo thẩm quyền để giải phóng nguồn lực cho phát triển và chống lãng phí. Kiên quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đối với các dự án giải ngân thấp sang các dự án giải ngân tốt nhằm nâng cao tỷ lệ giải ngân theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và các Bộ Ngành trung ương.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý thủ tục về đầu tư công vì mục tiêu, lợi ích chung; tăng cường công tác hậu kiểm trong giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường cải tiến quy

³³ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 10/4/2025, số 124/NQ-CP ngày 8/5/2025 của Chính phủ;

Công điện số 16/CD-TTg ngày 18/02/2025, số 32/CD-TTg ngày 05/4/2025, số 47/CD-TTg ngày 22/4/2025, số 60/CD-TTg ngày 09/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ

³⁴ Văn bản số 2081-CV/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy Quảng Trị; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 20/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

trình, thủ tục cấp phép trong thời gian sớm nhất khi nhận đủ hồ sơ; rút ngắn tối đa thời gian thẩm định hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất trồng lúa, hồ sơ đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo. Chậm ở khâu nào, thủ tục nào, người đứng đầu sở, ngành, đơn vị, địa phương đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Thực hiện nghiêm các nội dung đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 4853/BTC-ĐT ngày 15/4/2025 về việc công khai tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024. Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện công tác xử lý tất toán đối với các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán, đảm bảo theo đúng quy định.

6. Tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Bố trí vốn tập trung, trọng tâm trọng điểm, kiên quyết không dàn trải; tích cực triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án quan trọng, dự án trọng điểm triển khai trong giai đoạn 2026-2030.

IV. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động tham mưu, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, HTX. Tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan nắm chắc nguồn thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính về thuế tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp; đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp kê khai thuế, nộp thuế điện tử, tổ chức đối thoại, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp...; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

3. Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tạo động lực thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho NSNN, phấn đấu năm 2025 đạt dự toán thu ngân sách nhà nước.

4. Triển khai kế hoạch đầu tư đồng bộ cho cấp cơ sở, từ nhân lực, cơ chế phối hợp đến công nghệ thông tin để đảm bảo mô hình chính quyền hai cấp hoạt

động hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Trên đây là tình hình thực hiện NSNN 6 tháng đầu năm và các giải pháp chủ yếu điều hành NSNN trong 6 tháng cuối năm 2025, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Thuế tỉnh Quảng Trị;
- KBNN KV XII;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

**BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2025
(TÌNH QUẢNG TRỊ SAU SẮP XẾP)**

(Kèm theo Báo cáo số **36** /BC-UBND ngày **04** tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/6/2024 trên địa bàn	Dự toán năm 2025		Thực hiện đến 30/6/2025 trên địa bàn	So sánh tỷ lệ (%) theo thực hiện		
			TW	ĐP		TW 25	ĐP 25	Cùng kỳ
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	5.783.149	11.156.000	11.902.255	7.187.484	64,43	60,39	124,28
I	Thu tại địa bàn (1+2)	5.696.005	11.156.000	11.888.000	7.063.083	63,31	59,41	124,00
1	Thu cân đối ngân sách	4.366.486	8.606.000	9.338.000	5.324.191	61,87	57,02	121,93
1.1	Thu DNNN TW	172.234	335.000	335.000	168.458	50,29	50,29	97,81
1.2	Thu DNNN ĐP	92.598	167.000	167.000	101.027	60,50	60,50	109,10
1.3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	70.244	164.000	164.000	83.882	51,15	51,15	119,42
1.4	Thu ngoài QĐ	1.135.129	2.247.000	2.247.000	1.134.940	50,51	50,51	99,98
1.5	Thu thuế trước bạ	194.395	405.000	405.000	272.489	67,28	67,28	140,17
1.6	Thuế sử dụng đất phi NN	12.129	23.000	23.000	11.015	47,89	47,89	90,82
1.7	Thu tiền thuê đất	90.007	166.000	166.000	103.303	62,23	62,23	114,77
1.8	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN		700	700	1.589	227	227	
1.9	Thuế thu nhập cá nhân	223.043	390.000	390.000	274.084	70,28	70,28	122,88
1.10	Phí và lệ phí	210.277	380.000	380.000	226.821	59,69	59,69	107,87
	- Trung ương	27.164	56.000	56.000	29.507	52,69	52,69	108,63
	- Phí BVMT đối với KTKS	31.818	68.000	68.000	41.802	61,47	61,47	131,38
1.11	Thu tiền sử dụng đất	1.585.183	2.948.000	3.680.000	2.329.537	79,02	63,30	146,96
1.12	Thuế bảo vệ môi trường	233.927	830.000	830.000	270.941	32,64	32,64	115,82
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	53.712	58.400	58.400	59.397	101,71	101,71	110,58
	- Trung ương	9.180	24.100	24.100	11.427	47,41	47,41	124,48
1.14	Thu khác	194.895	330.000	317.000	196.782	59,63	62,08	100,97
	- Phạt ATGT	66.011			44.524			67,45
1.15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	16.863	21.000	21.000	13.233	63,01	63,01	78,47
1.16	Thu xổ số kiến thiết	68.728	127.000	140.000	66.798	52,60	47,71	97,19
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	10.580	10.000	10.000	7.868	78,68	78,68	74,37
1.18	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.540	3.900	3.900	2.027	51,97	51,97	79,80
2	Thu từ XNK	1.329.519	2.550.000	2.550.000	1.738.892	68,19	68,19	130,79
II	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi			14.255	4.052			
III	Các khoản huy động, đóng góp	87.144			120.349			138,10
	PHẦN CHI							
	TỔNG CHI NSĐP	12.852.691	27.944.869	29.368.934	17.458.572	62,48	59,45	135,84
A	Tổng chi cân đối	12.852.691	21.286.368	24.108.909	17.398.514	81,74	72,17	135,37
I	Chi đầu tư phát triển	6.159.302	4.366.800	5.023.904	6.628.044	151,78	131,93	107,61
1	Chi xây dựng cơ bản	6.141.602	4.366.800	4.703.004	6.549.953	149,99	139,27	106,65
1.1	Vốn tập trung trong nước		443.230	443.230				
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp			25.844				
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất		2.048.000	2.343.060				
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết		82.000	82.000				
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ		252.100	252.100				
1.6	Chi từ nguồn bội chi NSĐP							
II	Chi thường xuyên	6.693.389	16.498.763	18.516.065	10.770.470	65,28	58,17	160,91
-	Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.951.557	9.309.010	8.687.625	4.161.990	44,71	47,91	141,01
-	Chi bảo vệ môi trường	82.516		267.695	124.577		46,54	150,97
III	Chi dự phòng ngân sách		238.595	353.769		0,00	0,00	
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC		1.000	1.000		0,00	0,00	
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi							
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	16.534	156.800	156.800	61.857	39,45	39,45	
D	Chi vốn chương trình mục tiêu		6.501.701	4.679.711				

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2025

(TỈNH QUẢNG BÌNH TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Báo cáo số **36** /BC-UBND ngày **04** tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/6/2024 trên địa bàn	Dự toán năm 2025		Thực hiện đến 30/6/2025 trên địa bàn	So sánh tỷ lệ (%) theo thực hiện		
			TW	ĐP		TW 25	ĐP 25	Cùng kỳ
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	3.524.775	6.505.000	6.937.000	4.519.048	69,47	65,14	128,21
I	Thu tại địa bàn (1+2)	3.501.582	6.505.000	6.937.000	4.422.801	67,99	63,76	126,31
1	Thu cân đối ngân sách	2.720.920	5.055.000	5.487.000	3.389.414	67,05	61,77	124,57
1.1	Thu DNNN TW	91.464	170.000	170.000	83.510	49,12	49,12	91,30
1.2	Thu DNNN ĐP	63.223	112.000	112.000	67.482	60,25	60,25	106,74
1.3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	51.507	130.000	130.000	64.460	49,58	49,58	125,15
1.4	Thu ngoài QĐ	491.180	920.000	920.000	474.305	51,55	51,55	96,56
1.5	Thu thuế trước bạ	114.069	245.000	245.000	155.051	63,29	63,29	135,93
1.6	Thuế sử dụng đất phi NN	8.565	15.000	15.000	7.683	51,22	51,22	89,70
1.7	Thu tiền thuê đất	67.067	130.000	130.000	76.003	58,46	58,46	113,32
1.8	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN							
1.9	Thuế thu nhập cá nhân	136.233	240.000	240.000	163.292	68,04	68,04	119,86
1.10	Phí và lệ phí	143.600	255.000	255.000	151.455	59,39	59,39	105,47
	- Trung ương	15.542	29.000	29.000	18.830	64,93	64,93	121,16
	- Phí BVMT đối với KTKS	27.824	58.000	58.000	32.952	56,81	56,81	118,43
1.11	Thu tiền sử dụng đất	1.223.408	2.048.000	2.480.000	1.825.799	89,15	73,62	149,24
1.12	Thuế chuyển quyền SDD							
1.13	Thuế bảo vệ môi trường	128.357	465.000	465.000	127.608	27,44	27,44	99,42
1.14	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	28.147	37.400	37.400	25.931	69,33	69,33	92,13
	- Trung ương	4.075	16.500	16.500	6.954	42,15	42,15	170,65
1.15	Thu khác	114.815	185.000	185.000	103.026	55,69	55,69	89,73
	- Phạt ATGT	37.186			23.974			64,47
1.16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	13.152	14.000	14.000	8.821	63,01	63,01	67,07
1.17	Thu xổ số kiến thiết	43.646	82.000	82.000	51.628	62,96	62,96	118,29
1.18	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	1.153	4.000	4.000	1.333	33,33	33,33	115,61
1.19	Thu tiền sử dụng khu vực biển	1.334	2.600	2.600	2.027	77,96	77,96	151,95
2	Thu từ XNK	780.662	1.450.000	1.450.000	1.033.387	71,27	71,27	132,37
II	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ							
III	Các khoản huy động, đóng góp	23.193			96.247			414,98
	PHẦN CHI							
	TỔNG CHI NSDP	7.743.205	15.335.586	16.200.396	9.965.221	64,98	61,51	128,70
A	Tổng chi cân đối	7.743.205	12.134.656	14.378.113	9.905.163	81,63	68,89	127,92
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ		252.100	252.100				
II	Chi thường xuyên	3.803.604	9.069.731	10.877.110	5.967.227	65,79	54,86	156,88
5	Chi Văn hóa, TTDL	51.605		122.059	137.454		112,61	266,36
12	Dự phòng hụt thu cân đối							
13	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương			0				
III	Chi dự phòng ngân sách		238.595	353.769		0,00	0,00	
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC		1.000	1.000		0,00	0,00	
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ							
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách nhiệm vụ		1.378.647					
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG		403.945	403.945				

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2025
(TỈNH QUẢNG TRỊ TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Báo cáo số **36** /BC-UBND ngày **04** tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 30/6/2024 trên địa bàn	Dự toán năm 2025		Thực hiện đến 30/6/2025 trên địa bàn	So sánh tỷ lệ (%) theo thực hiện		
			TW	ĐP		TW 25	ĐP 25	Cùng kỳ
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	2.258.372	4.651.000	4.965.255	2.668.436	57,34	53,71	118,16
I	Thu tại địa bàn (1+2)	2.194.421	4.651.000	4.951.000	2.640.282	56,73	53,30	120,32
1	Thu cân đối ngân sách	1.645.564	3.551.000	3.851.000	1.934.777	54,44	50,20	117,58
1.1	Thu DNNN TW	80.770	165.000	165.000	84.948	51,48	51,48	105,17
1.2	Thu DNNN ĐP	29.375	55.000	55.000	33.545	60,99	60,99	114,20
1.3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	18.737	34.000	34.000	19.422	57,12	57,12	103,66
1.4	Thu ngoài QĐ	643.949	1.327.000	1.327.000	660.635	49,78	49,78	102,59
1.5	Thu thuế trước bạ	80.326	160.000	160.000	117.438	73,40	73,40	146,20
1.6	Thuế sử dụng đất phi NN	3.564	8.000	8.000	3.332	41,65	41,65	93,49
1.7	Thu tiền thuê đất	22.940	36.000	36.000	27.300	75,83	75,83	119,01
1.8	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN		700	700	1.589	227	227	
1.9	Thuế thu nhập cá nhân	86.810	150.000	150.000	110.792	73,86	73,86	127,63
1.10	Phí và lệ phí	66.677	125.000	125.000	75.366	60,29	60,29	113,03
	- Trung ương	11.622	27.000	27.000	10.677	39,54	39,54	91,87
	- Phí BVMT đối với KTKS	3.994	10.000	10.000	8.850	88,50	88,50	221,58
1.11	Thu tiền sử dụng đất	361.775	900.000	1.200.000	503.738	55,97	41,98	139,24
1.12	Thuế chuyển quyền SĐĐ		0	0	0			
1.13	Thuế bảo vệ môi trường	105.570	365.000	365.000	143.333	39,27	39,27	135,77
1.14	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	25.565	21.000	21.000	33.466	150,07	150,07	130,91
	- Trung ương	5.105	7.600	7.600	4.473	58,86	58,86	87,62
1.15	Thu khác	80.080	145.000	132.000	93.756	64,66	71,03	117,08
	- Phạt ATGT	28.825	0	0	20.550			71,29
1.16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	3.711	7.000	7.000	4.412	63,03	63,03	118,89
1.17	Thu xổ số kiến thiết	25.082	45.000	58.000	15.170	33,71	26,16	60,48
1.18	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	9.427	6.000	6.000	6.535	108,92	108,92	69,32
1.19	Thu tiền sử dụng khu vực biển	1.206	1.300	1.300	0			
2	Thu từ XNK	548.857	1.100.000	1.100.000	705.505	64,14	64,14	128,54
II	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		0	14.255	4.052			
III	Các khoản huy động, đóng góp	63.951	0	0	24.102			37,69
	PHẦN CHI							
	TỔNG CHI NSĐP	5.109.486	12.609.283	13.168.538	7.493.351	59,43	56,90	146,66
A	Tổng chi cân đối	5.109.486	9.151.712	9.730.796	7.493.351	81,88	77,01	146,66
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ							
II	Chi thường xuyên	2.889.785	7.429.032	7.638.955	4.803.243	64,66	62,88	166,21
5	Chi Văn hóa, TTDL				101.682			
12	Dự phòng hụt thu cân đối							
13	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương							
III	Chi dự phòng ngân sách							
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC							
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ							
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách nhiệm vụ		1.378.647					
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG		403.945	403.945				